CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam

Ngày 30/06/2025	16,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	9.6%	**-2.9%**	**6.2%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,206 - 17,486
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	45
Số lượng CPLH (CP)	2,700,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,605
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	(0.26)
EPS	1,309
P/E	12.6

DT thuần
Q2/25
15.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.6| 274%
YoY: ▲ 7.12| 82.4%

LN thuần
Q2/25
0.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.29| 117%
YoY: ▲ 0.70| 106%

LN sau thuế
Q2/25
0.51
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.75| 313%
YoY: ▲ 1.16| 179%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
4.0%
YoY: +/-▲ 9.4%

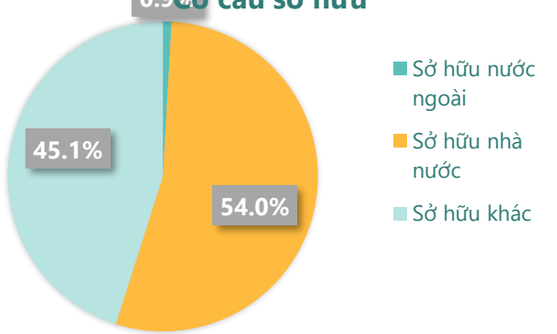
ROE (TTM)
Q2/25
9.0%
YoY: +/-▲ 3.0%

DT thuần
6T 2025
20.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.30| 86.4%

LN thuần
6T 2025
-0.21
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.46| 87.7%

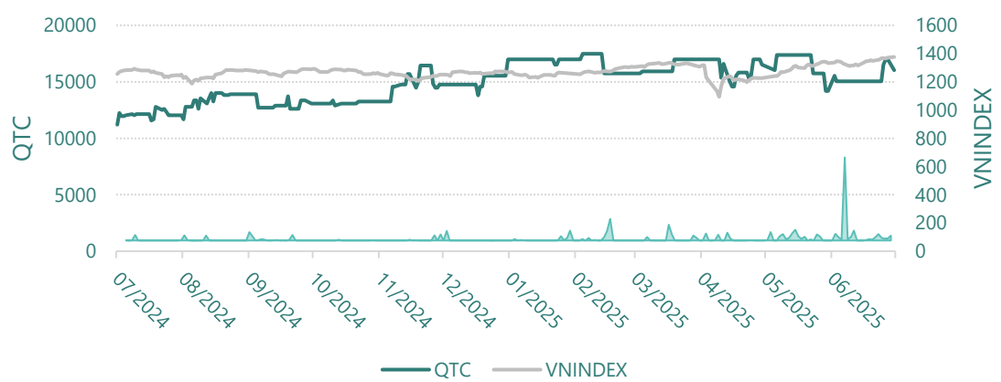
LN sau thuế
6T 2025
0.27
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.36| 125%

Cơ cấu sở hữu

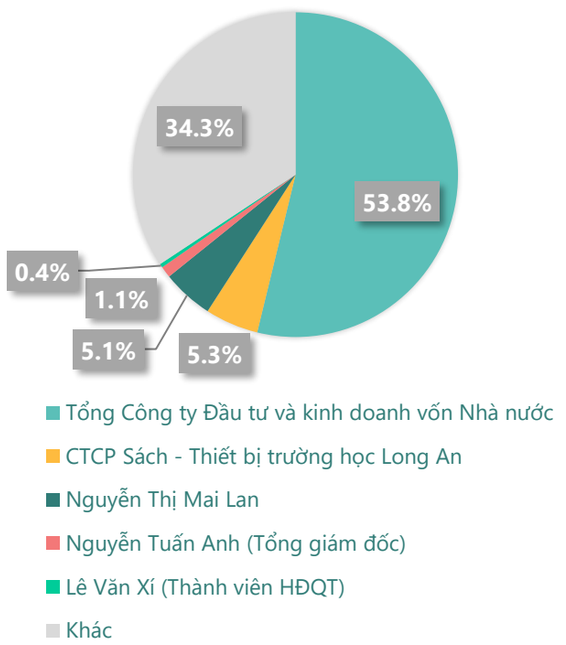


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



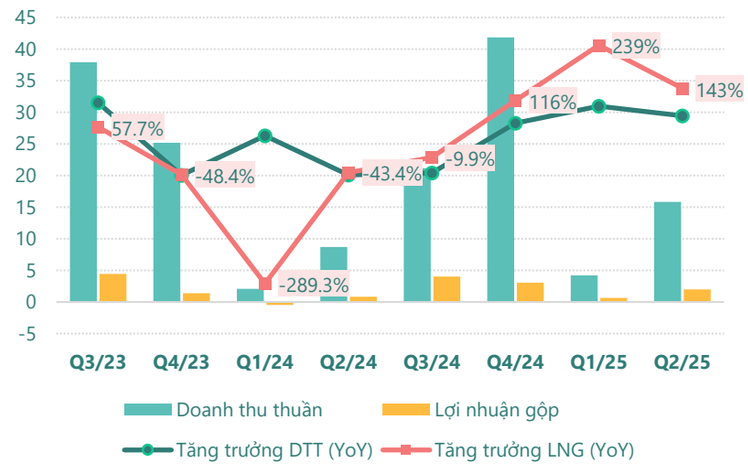
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

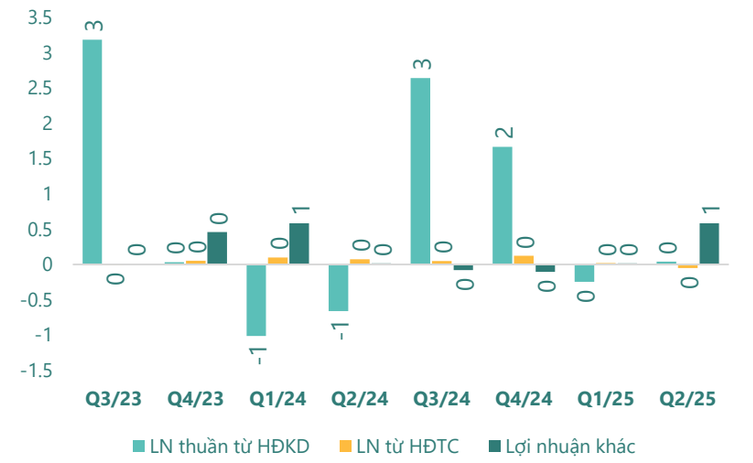
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



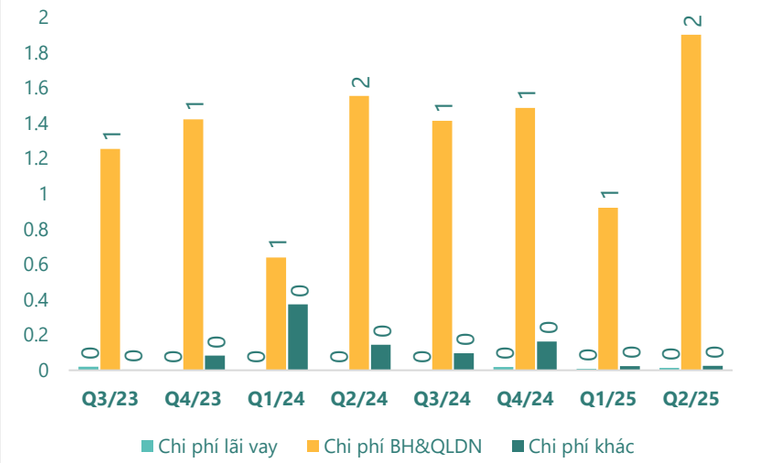
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



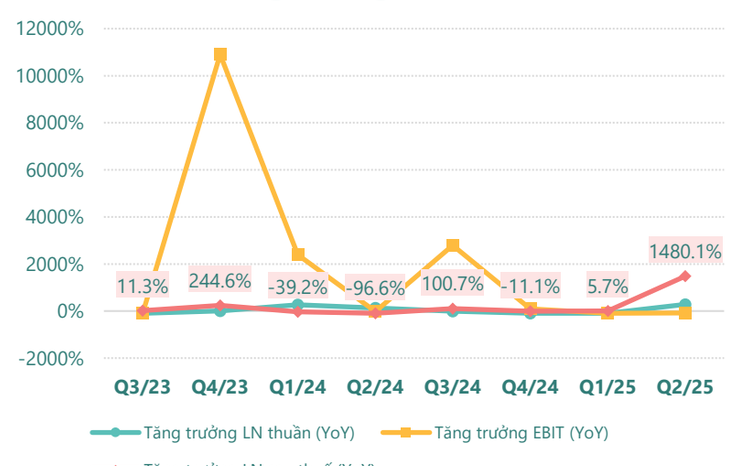
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



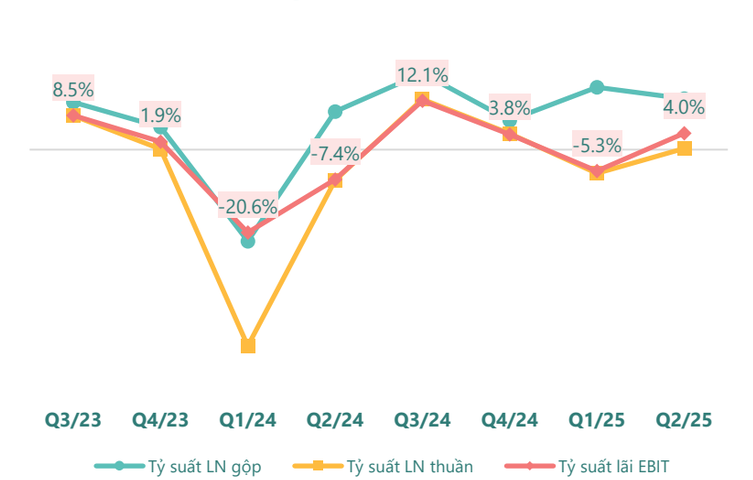
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



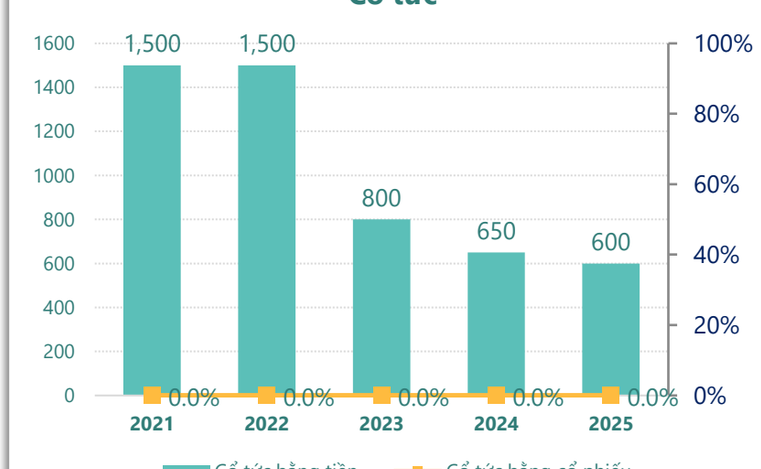
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

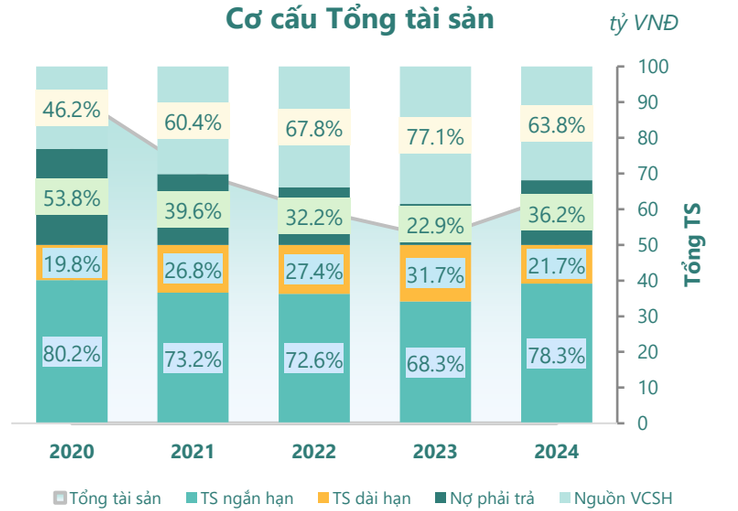
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

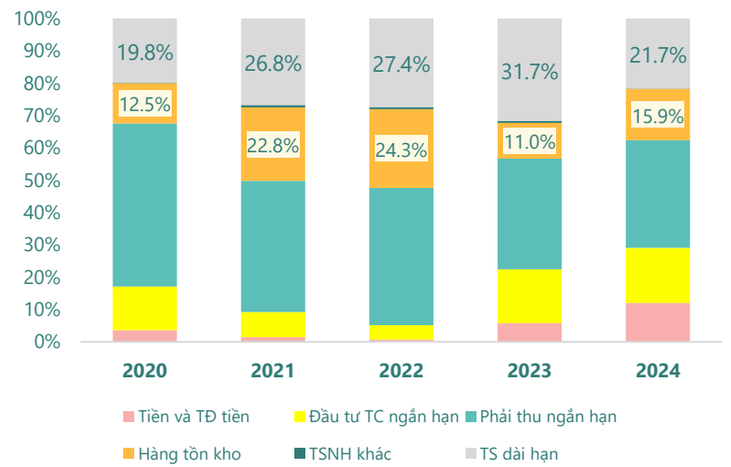
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



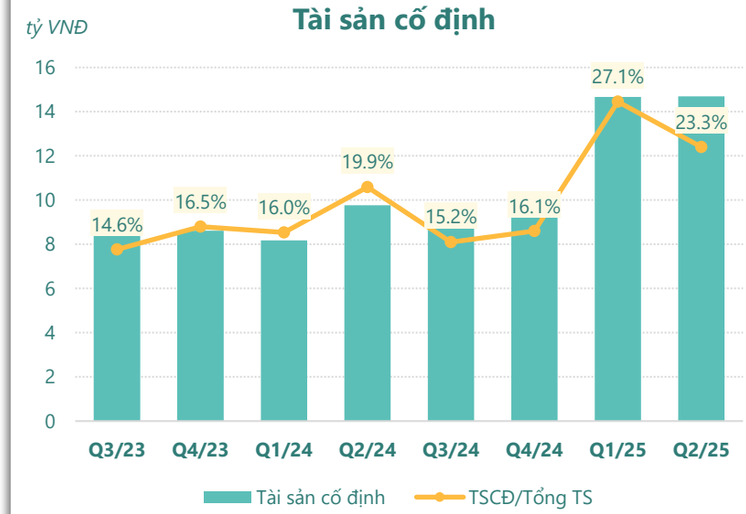
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



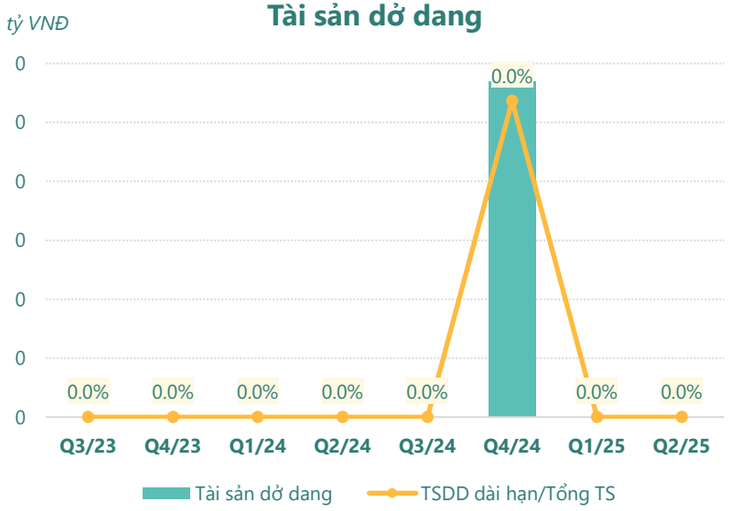
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



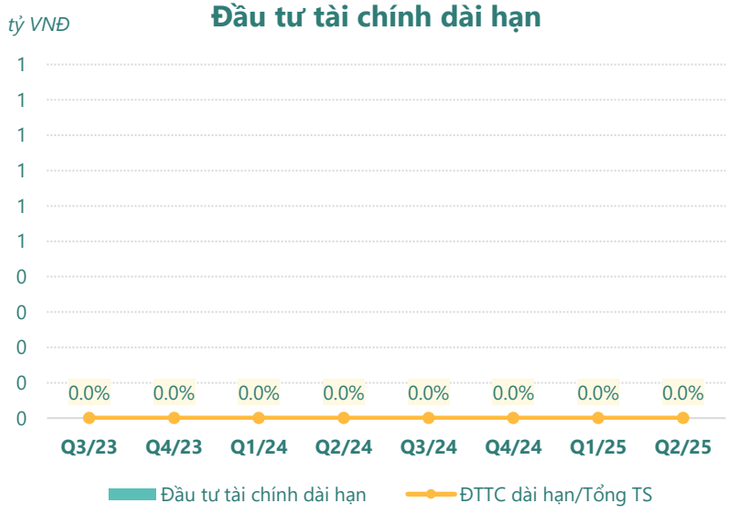
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



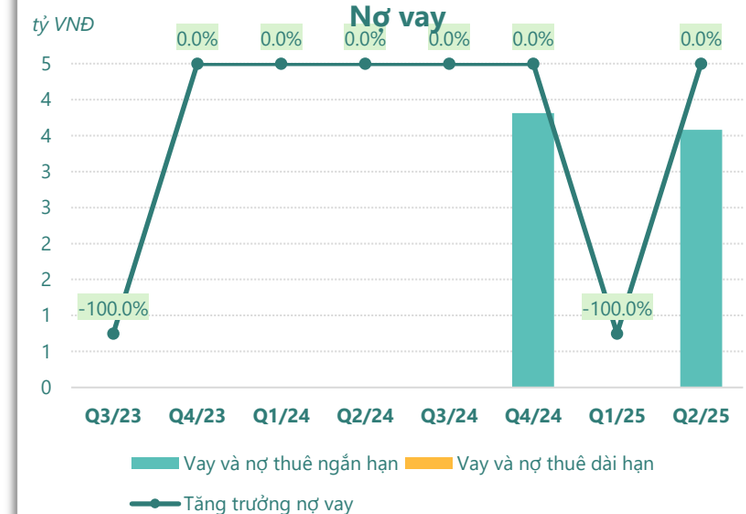
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

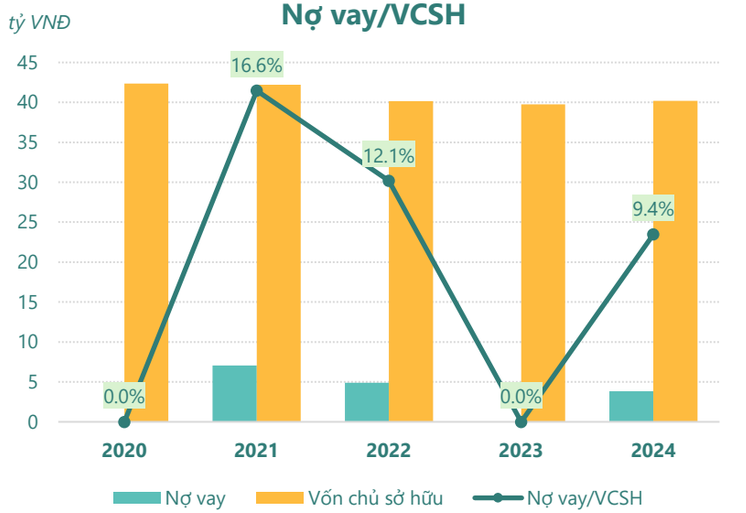
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

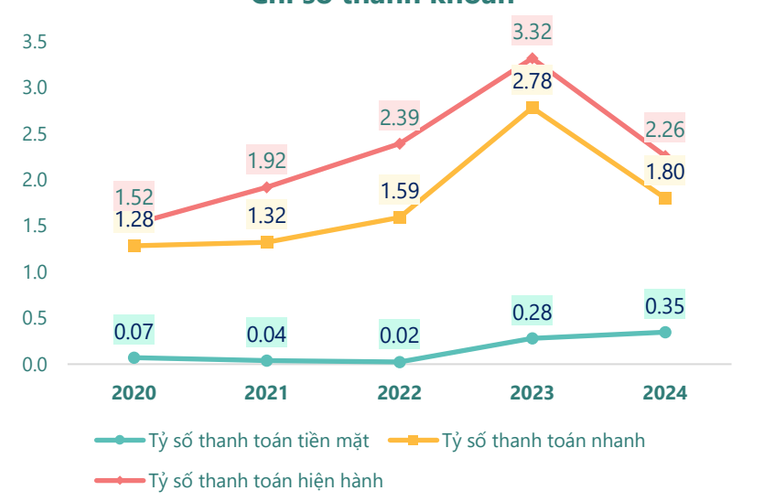
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



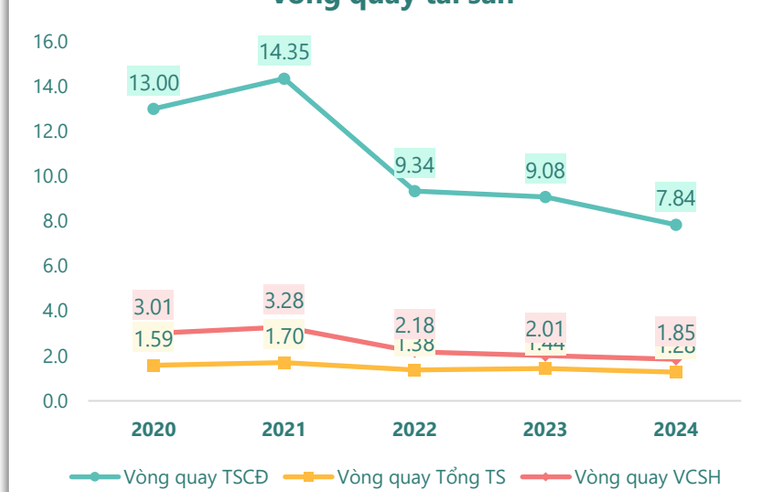
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



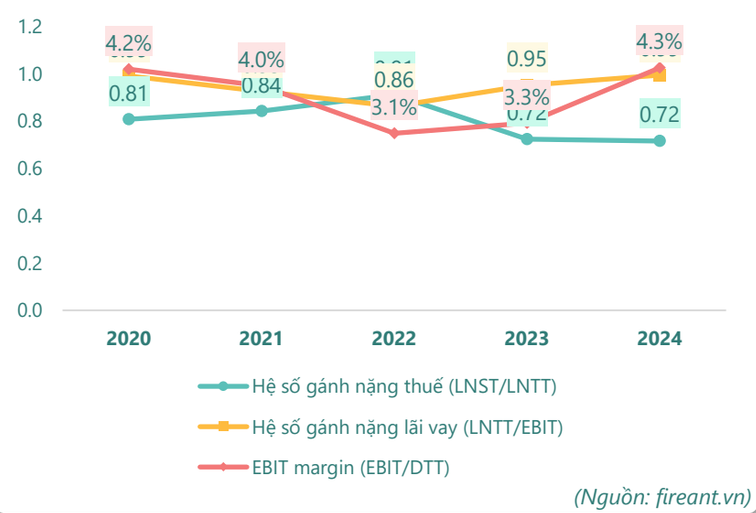
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



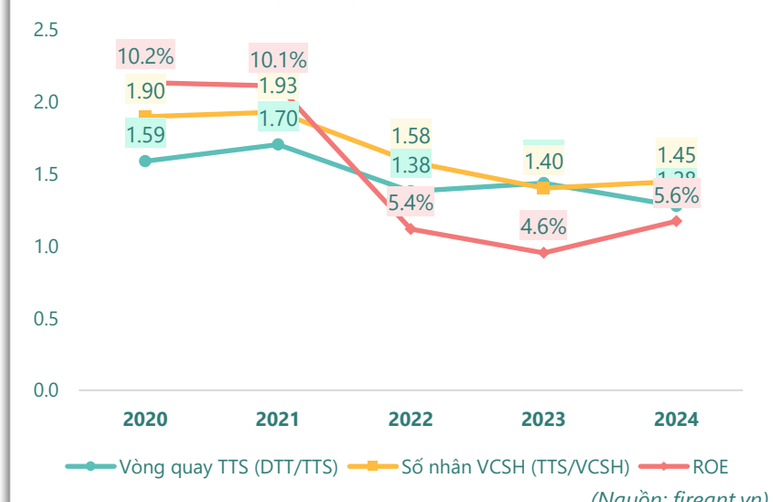
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



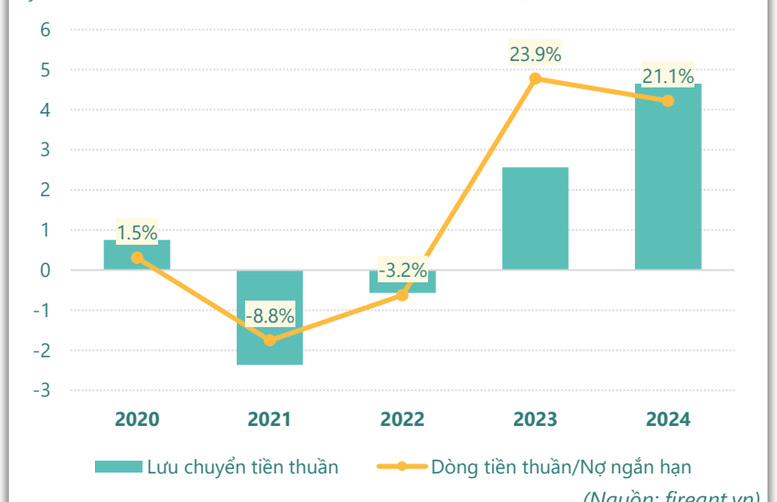
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**15.8**	**8.68**	**82.4%**	**20.1**	**10.8**	**86.4%**
Giá vốn hàng bán	13.8	7.86	76.0%	17.4	10.4	67.2%
Lợi nhuận gộp	2.00	0.82	144%	2.65	0.35	657%
Doanh thu HĐTC	0.03	0.09	-63.3%	0.14	0.21	-30.5%
Chi phí TC	0.09	0.01	759%	0.18	0.03	457%
Chi phí lãi vay	0.01	0.00		0.02	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.90**	**1.56**	**21.9%**	**2.82**	**2.20**	**28.6%**
LN thuần từ HĐKD	0.04	-0.66	106%	-0.21	-1.67	87.7%
Lợi nhuận khác	**0.58**	**0.01**	**5729%**	**0.60**	**0.60**	**-0.2%**
LN trước thuế	0.62	-0.65	196%	0.39	-1.07	136%
Lợi nhuận sau thuế	**0.51**	**-0.65**	**179%**	**0.27**	**-1.09**	**125%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.51**	**-0.65**	**179%**	**0.27**	**-1.09**	**125%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.34	-2.55	5.64	-0.33	2.98	-7.88
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.65	4.92	-5.35	-1.42	0.18	-1.08
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	2.06	-3.81	3.58
Tiền đầu kỳ	3.00	4.68	7.06	7.35	7.65	6.99
Lưu chuyển tiền thuần	**1.69**	**2.37**	**0.29**	**0.30**	**-0.66**	**-5.38**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.68	7.06	7.35	7.65	6.99	1.62

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**63.2**	**63.7**	**-0.8%**
Tài sản ngắn hạn	45.1	49.9	-9.5%
Tiền và tương đương tiền	1.62	7.65	-78.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.83	10.8	-36.9%
Phải thu ngắn hạn	18.0	21.3	-15.3%
Hàng tồn kho	18.2	10.1	80.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.42	0.01	5469%
Tài sản dài hạn	**18.0**	**13.8**	**30.5%**
Phải thu dài hạn	2.28	2.06	10.9%
Tài sản cố định	14.7	10.3	43.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.03	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.07**	**1.48**	**-27.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	22.9	23.1	-0.7%
Nợ ngắn hạn	**21.6**	**22.1**	**-2.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.58	3.81	-6.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.20	8.25	-73.4%
Nợ dài hạn	1.29	1.02	27.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**40.2**	**40.6**	**-0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**39.8**	**40.2**	**-0.9%**
Vốn điều lệ	27.0	27.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0.41**	**0.41**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)